

## PHỤ LỤC

### LUẬN CỨ CHO VIỆC TẠO LẬP MÔ HÌNH KHU ĐÔ THỊ DÀNH CHO TRÍ THỨC TRẺ

#### 1 CHUYÊN ĐỀ 2: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ MÔ HÌNH KHU ĐÔ THỊ DÀNH CHO TRÍ THỨC TRẺ

##### 1.1 GIỚI THIỆU CHUNG:

**a) Tên chuyên đề:** Kinh nghiệm quốc tế về Mô hình Khu đô thị dành cho trí thức trẻ

**b) Nhóm tác giả:**

- Th.S. Nguyễn Thùy Trang, Khoa Kiến trúc & Quy hoạch, Trường ĐHXD Hà Nội (Chịu trách nhiệm chính).

- Các thành viên khác trong nhóm.

**c) Thời gian thực hiện:** Năm 2022

##### 1.2 NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ :

###### 1.2.1 Bối cảnh

###### **1) Cuộc CMCN 4.0**

**a) Tác động của CMCN 4.0 đối với xã hội:**

Lịch sử đã và đang diễn ra 4 cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN): i) Cơ khí hóa với máy chạy bằng thủy lực và hơi nước (năm 1784); ii) Động cơ điện và dây chuyền sản xuất hàng loạt (năm 1870); iii) Kỹ nguyên máy tính và tự động hóa (năm 1969); iv) Các hệ thống liên kết thế giới thực và ảo (hệ thống liên kết Internet).

Cuộc CMCN 4.0 được hình thành nhờ những đột phá về công nghệ mới nổi như mạng Internet, điện thoại thông minh, công nghệ nano, công nghệ sinh học, trí thông minh nhân tạo, robot, in 3D, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng, tin học lượng tử... Trong đó, hệ thống CSDL là một trong những hệ thống tài nguyên quan trọng hàng đầu cho cuộc cách mạng này.

Cuộc CMCN 4.0 xóa nhòa ranh giới giữa lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học... tạo ra 4 tác động chính: i) Gia tăng nhu cầu tiêu dùng; ii) Gia tăng sản xuất; iii) Thúc đẩy ĐMST; iv) Thay đổi các hình thức tổ chức.

Cuộc CMCN 4.0 không chỉ đơn thuần là sự kéo dài các cuộc CMCN trước đó mà là sự thay đổi to lớn cả về chiều rộng và chiều sâu nhận thức, lý luận và mô hình phát triển; thay đổi nhanh chóng thế giới xung quanh, cả về thế giới vật chất (lao động, bình đẳng, an ninh, giá trị xã hội, khuôn khổ đạo đức...) và thế giới tinh thần; không có một cá nhân, tổ chức hay quốc gia nào có thể đứng ngoài.

Cuộc CMCN 4.0 đang từng bước định hình nền kinh tế tri thức, tạo điều kiện cho nhiều người hơn tham gia vào hoạt động sản xuất và phân phối hàng hóa trong và ngoài quốc gia. Với CMCN 4.0, thế kỷ 21 còn được coi là thế kỷ của dân chủ hóa sản xuất và toàn cầu hóa.

Tương tự như các cuộc CMCN trước đó, cuộc CMCN 4.0 mang lại các cơ hội về: tăng mức thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của loài người. Tạo ra sản phẩm và dịch vụ tiêu dùng mới, mở ra thị trường mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên cuộc CMCN có thể sẽ mang lại bất bình đẳng lớn hơn, không chỉ liên quan đến thị trường lao động với việc chuyển lao động sang robot, đào tạo kỹ năng...mà còn tạo ra sự bất bình đẳng giữa các quốc gia trên thế giới. Có quốc gia ngày càng giàu hơn và khoảng cách với quốc gia đang phát triển sẽ ngày càng lớn hơn. Các quốc gia ngày càng phải hội nhập, liên kết với nhau nhiều hơn vì sự tiên bộ của chính họ và nhân loại. Tại quốc gia đang phát triển, sự bất bình đẳng giữa thành phố, nơi có điều kiện phát triển công nghệ số, và nông thôn ngày càng lớn hơn. Đô thị và nông thôn phải được hội nhập và kết nối hiệu quả vì sự thịnh vượng chung.

Sự thành công của mỗi cá nhân, tổ chức không chỉ phụ thuộc vào nguồn vốn, đất đai mà phụ thuộc vào khả năng sáng tạo và mức độ kết nối. Xã hội ngày càng "mở" hơn trên cơ sở sử dụng nền tảng phương tiện truyền thông xã hội để kết nối, học hỏi và chia sẻ thông tin. Sự tương tác này sẽ là cơ hội cho sự hiểu biết liên văn hóa và sự gắn kết giữa các quốc gia, cộng đồng và cá nhân.

#### **b) Tác động CMCN 4.0 đối với chính phủ và nhà lãnh đạo, quản lý:**

Cuộc CMCN 4.0 với mạng Internet làm các chính phủ có nhiều công cụ hơn để quản trị xã hội, song sẽ đối mặt với áp lực phải thay đổi quy trình ra quyết định và thực thi chính sách. Sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, công dân vào việc hoạch định chính sách ngày càng rộng. Vai trò trung tâm của chính phủ sẽ giảm bớt .

Cuộc CMCN 4.0 ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh mạng, an ninh địa chính trị quốc gia và quốc tế. Lịch sử chiến tranh và an ninh quốc tế gắn liền với lịch sử đổi mới công nghệ, và ngày nay cũng vậy (chiến tranh mạng, vũ khí tự điều khiển, vũ khí sinh học; các cá nhân và nhóm nhỏ có thể gây ra các thiệt hại lớn, hàng loạt..). Nhưng những tiến bộ trong công nghệ sẽ tạo ra tiềm năng để giảm quy mô và tác động của bạo lực...

Tại những nước đang phát triển, các nhà lãnh đạo phải năng động và quyết liệt hơn trong việc kiến tạo môi trường thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp với điều kiện văn hóa, địa kinh tế và địa chính trị của quốc gia, thay vì chỉ dựa vào việc nhập khẩu công nghệ từ bên ngoài. Các nhà lãnh đạo phải được đào luyện và lựa chọn để thích ứng với môi trường đổi mới, họ không chỉ thuộc tầng lớp tinh hoa trong giới chính trị mà còn phải thuộc tầng lớp tinh hoa của chính quyền số.

#### **c) Tác động CMCN 4.0 đối với kinh doanh và doanh nhân:**

- Sự xuất hiện nhanh chóng công nghệ mới sẽ làm các chuỗi sản xuất hàng hóa hiện tại dù đang thành công cũng sớm trở thành lạc hậu;

- Năng lực ĐMST chứ không phải nguồn vốn sẽ trở thành nhân tố cốt lõi của việc kinh doanh cũng như hình thành tầng lớp doanh nhân;

- Phải tiếp cận các kỹ thuật số để đổi mới cách thức nghiên cứu, sản xuất (kết nối máy móc và thiết bị; tiết kiệm năng lượng, linh hoạt), tiếp thị, bán hàng và phân phối...cùng với việc tăng cường kết nối thị trường và mở ra thị trường mới;

- Sản xuất, phân phối phải dựa trên sự mong muốn của khách hàng để sáng tạo sản phẩm mới và rộng hơn là tạo lập khách hàng mới gắn với thế giới trải nghiệm của người tiêu dùng ngày càng phong phú hơn và thông minh hơn...;

- Hình thành xu hướng cho phép kết hợp người sản xuất và người tiêu dùng, xuất hiện khái niệm về nền kinh tế "*chia sẻ*" hay nền kinh tế "*theo nhu cầu*" trên nền tảng của công nghệ, như điện thoại thông minh, có thể huy động nhiều người, tài sản và dữ liệu, do đó tạo ra các cách thức hoàn toàn mới để tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trong chuỗi hàng hóa...; giao tiếp nhiều hơn và hợp tác tốt hơn;

- Xu hướng phải thường xuyên tái cấu trúc tổ chức doanh nghiệp và hình thành các công ty đa quốc gia; Hoạt động kinh doanh và lao động ngày càng tự do hơn.

Nhìn chung, sự chuyển đổi trong hoạt động doanh nghiệp là không thể tránh được, từ quá trình số hóa đơn giản (thành quả của cuộc CMCN 3.0) sang đổi mới dựa trên sự kết hợp các công nghệ (CMCN 4.0) buộc các doanh nghiệp phải xem xét lại cách họ kinh doanh. Tại Việt Nam, việc thành lập doanh nghiệp mới phải đi đôi với việc hình thành thể hệ doanh nghiệp mới gắn với kinh tế số.

#### **d) Tác động CMCN 4.0 đối với công dân và cộng đồng:**

Thời đại nào con người nấy. Cuộc CMCN 4.0 cũng như các cuộc CMCN trước đó ảnh hưởng đến sự riêng tư, quan niệm về quyền sở hữu, mô hình tiêu thụ, thời gian cho công việc và giải trí, cách con người phát triển sự nghiệp và quan hệ cộng đồng; liên quan cả đến ngôn ngữ, quan niệm đạo đức và niềm tin. Trong hoạt động kinh tế không chỉ tồn tại giới chủ doanh nghiệp và người lao động mà dần hình thành tầng lớp trung lưu, vừa là người lao động vừa là doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Tầng lớp này ngày càng mở rộng, họ cảm thấy có cơ hội từ kết quả của cuộc CMCN và quá trình hội nhập mang lại.

Cuộc CMCN 4.0 hình thành thể hệ công dân mới, được gọi là "*Công dân kỹ thuật số*" (Digital citizen), là những người sử dụng Internet thường xuyên và hiệu quả, ví dụ như sử dụng các mạng xã hội để tham gia các trao đổi thông tin trực tuyến, sử dụng thương mại điện tử để mua hàng hóa trực tuyến hoặc tham gia vào các hoạt động điện tử B2C (Business-to-Consumer/ bán lẻ) hoặc B2B (Business-to-Business/ bán buôn)...góp phần thúc đẩy cơ hội bình đẳng, tăng cường tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

Những người không phải là Công dân kỹ thuật số có thể sẽ dẫn đến cô lập trong xã hội. Khoảng cách này còn được gọi là "*Khoảng cách số*" (Digital divide), như khái niệm về khoảng cách giàu nghèo.

Theo digitalcitizenship.net, có 9 nội dung chính phải học tập và rèn để trở thành Công dân số là: i) Cách thức truy cập số (Digital access); ii) Lợi ích và các vấn đề cần cảnh báo trong Thương mại điện tử (Digital commerce); iii) Sự hiểu biết về các phương tiện truyền thông kỹ thuật số (Digital communication); iv) Kiến thức và kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật số (Digital literacy); v) Hành vi và ngôn ngữ hay Nghi thức trong kỹ thuật số (Digital etiquette); vi) Pháp luật trong kỹ thuật số (Digital law); vii) Quyền và nghĩa vụ kỹ thuật số (Digital rights and responsibilities); viii) Sức khỏe khi thực hiện kỹ thuật số (Digital health); ix) Bảo mật số (Digital security).

Cuộc CMCN 4.0 làm cộng đồng xã hội và các Công dân kỹ thuật số sẽ ngày càng "mở" với nhau hơn. Sự tương tác này sẽ là cơ hội cho việc hình thành xã hội số trong từng quốc gia.

### **d) Tác động CMCN 4.0 với nghề mới, nghiệp mới và kỹ năng lao động mới:**

#### **- Nghề mới, nghiệp mới:**

Trong xã hội, nghề nghiệp không cố định. Mỗi một cuộc CMCN đều sinh ra nghề mới, nghiệp mới. Vào thời Trung Cổ chỉ có 3 ngành nghề chính: thần học, y học, pháp luật. Vào thời Cận đại, một số ngành mới xuất hiện: dược, khoa học tính toán, bảo hiểm, nha khoa, kỹ thuật XD dân dụng, hậu cần, kiến trúc, kế toán. Tiếp đó là các nghề khác: kỹ thuật cơ khí, thú y, tâm lý học, điều dưỡng, giáo dục, thư viện, công tác xã hội,...

Trên thế giới hiện nay có khoảng 2000 nghề với hàng chục nghìn chuyên môn (Tại Việt Nam, theo Quyết định số 27/2018/QĐ -TTg, ngày 06/07/2018 của Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm 5 cấp với 734 ngành). Nhiều nghề chỉ thấy có ở nước này nhưng lại không thấy ở nước khác. Hơn nữa, các nghề trong xã hội luôn ở trong trạng thái biến động do sự phát triển của KHCN.

Có nhiều tổ chức của nhiều quốc gia tham gia đánh giá về nghề mới, nghiệp mới gắn với cuộc CMCN 4.0. Kết quả hết sức khác nhau, song có một số điểm chung là: Nhiều nghề cũ mất đi hoặc thay đổi về nội dung. Nhiều nghề mới xuất hiện rồi phát triển theo hướng đa dạng hóa. Nghề nghiệp mới mà mọi người quan tâm: i) Những nghề ổn định, hấp dẫn về mức lương và cơ hội kinh doanh; ii) Những nghề mà không sợ bị robot lấy mất trong tương lai; iii) Những nghề mang tính liên ngành; iv) Những nghề liên quan đến dịch vụ sức khỏe, giải trí; v) Những nghề liên quan đến hướng nghiệp, đào tạo, tái đào tạo gắn với công nghệ thông tin và cộng đồng...

#### **- Kỹ năng lao động mới:**

Trong cơ chế thị trường, con người phải chủ động lựa chọn ngành nghề học, tích tụ kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm để chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm. Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum - WEF) cho rằng, 10 kỹ năng cơ bản của người lao động ngày nay là: i) Giải quyết vấn đề phức tạp (Complex Problem Solving); ii) Tư duy phê phán (Critical Thinking); iii) Sáng tạo (Creativity); iv) Quản lý nhân sự (People Management); v) Phối hợp với người khác (Coordinating with Others); vi) Cảm xúc (Emotional Intelligence); vii) Đánh giá và ra quyết định (Judgment and Decision Making); viii) Định hướng dịch vụ (Service Orientation, giữa kinh doanh và công nghệ thông tin); ix) Đàm phán (Negotiation); x) Linh hoạt về nhận thức (Cognitive Flexibility). Đây có thể coi là những Kỹ năng mềm (soft skill), mà cơ sở đào tạo nghề và đào tạo ĐH quan tâm.

### **e) Lý thuyết 4 thành phần kinh tế hay cơ cấu loại lao động:**

Lý thuyết 4 thành phần kinh tế (Quaternary sector of the economy) được đề xuất bởi Colin Clark Grant (nhà kinh tế người Anh và Úc, 2/11/1905- 4/9/1989). Ngoài 3 thành phần kinh tế đã biết, thế giới sẽ hình thành thêm một thành phần kinh tế thứ 4 – Kinh tế liên kết hay Liên kết số. Trong cuộc CMCN 4.0, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực Khai thác tài nguyên (khai khoáng, nông nghiệp) giảm xuống còn 10% trong cơ cấu lao động chung của các ngành kinh tế; Sản xuất (công nghiệp, xây dựng) giảm xuống còn 20%; Lao động trong lĩnh vực Dịch vụ và Liên kết số sẽ chiếm 70%, có vai trò chủ đạo trong xã hội.

### **2) Bối cảnh chung tại Việt Nam:**

### **a) Bối cảnh chung cho quá trình đô thị hóa:**

- Việt Nam là quốc gia với 97,34 triệu dân (năm 2020), đứng thứ 15 trên thế giới, GDP (danh nghĩa, năm 2020) bình quân đầu người 3498 USD, đứng thứ 115 trên thế giới, thuộc nhóm Quốc gia đang phát triển với mức sống khiêm tốn; Chỉ số phát triển con người (HDI) không cao; Rủi ro về sức khỏe gắn với việc thiếu nước uống an toàn, ô nhiễm không khí trong, ngoài nhà và tai nạn giao thông;

- Hệ thống kinh tế chưa thoát ra khỏi lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng thấp như nông nghiệp và khai thác tài nguyên tự nhiên, đề hướng tới tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ, nghiên cứu phát triển, thông tin; Chưa đạt được mức công nghiệp hóa tương xứng với quy mô dân số và phụ thuộc vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI; Chưa đạt được mục tiêu đô thị hóa, cả về quy mô lẫn chất lượng đô thị; Phương thức sản xuất và cách thức quản lý đất đai chậm đổi mới; Doanh nghiệp tư nhân không phát triển; Năng lực hội nhập hạn chế, trước hết là chính sách thương mại; Có nhiều vấn đề phải giải quyết về giáo dục đào tạo, phát triển KHCN và văn hóa; Chịu sự tác động của BĐKH nhiều hơn so với các nước giàu...

- Việt Nam đang vừa tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết nêu trên, vừa phải thúc đẩy hội nhập quốc tế và phát triển bền vững, phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng nhờ cuộc CMCN4.0. Những đổi mới của Việt Nam không thể chỉ dừng ở góc độ kinh tế mà còn phải hướng đến những tư duy về đổi mới đồng bộ cả chính thể, kinh tế và văn hóa với mục tiêu chuyển từ một quốc gia nông nghiệp trở thành quốc gia công nghiệp và cường quốc biển.

- Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 2011 - 2020, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Trước đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao 6,8%/năm (giai đoạn 2016-2019). Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát duy trì ở mức thấp, tiêu dùng nội địa tăng trưởng cao, sự phụ thuộc vào vốn tín dụng giảm nhẹ, cán cân thanh toán thặng dư, nợ công và thâm hụt ngân sách đều giảm.

- Thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh hơn. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có sự chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu dịch chuyển sang chiều sâu, tăng độ mở nền kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Khu vực tư nhân trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh. Đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

### **b) Bối cảnh chung về nhu cầu phát triển năng lực ĐMST**

Nhu cầu về phát triển năng lực khởi nghiệp ĐMST đang ngày càng cấp thiết, không chỉ trong các cơ sở đào tạo, nơi làm việc mà ngay cả trong các khu dân cư và dẫn đến đòi hỏi một hệ giá trị và chuẩn mực chung cho toàn xã hội, đặc biệt để thế hệ trẻ thức trẻ hướng vào.

#### **1.2.2 Quốc gia và thành phố khởi nghiệp ĐMST cho thế hệ trẻ**

Một số nước đã tạo môi trường hỗ trợ, khơi dậy tinh thần Khởi nghiệp ĐMST của thế hệ trẻ.

##### **a) Israel:**

Quốc gia được biết đến với tên gọi quốc gia khởi nghiệp. Bằng ý chí khởi nghiệp

Israel, một quốc gia không có tài nguyên thiên nhiên, hai phần ba diện tích là hoang mạc, thiếu nước ngọt và chỉ với khoảng 8 triệu dân lại trở thành một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Một trong những nguyên nhân thành công của Israel chính là  ***tinh thần và ý chí khởi nghiệp***, từ chính thể (chính sách phù hợp của Chính phủ), cộng đồng xã hội (liên quan đến môi trường kỷ luật như quân đội) đến từng cá nhân (sự năng động của công dân).

***b) Hàn Quốc:*** Nền kinh tế thứ tư châu Á đang có kế hoạch thành lập 250 TT Khởi nghiệp ở các khu vực trên cả nước trước năm 2022 để hỗ trợ các doanh nghiệp do thanh niên lập ra, và định hướng phát triển dựa trên sự sáng tạo. Theo kế hoạch, Hàn Quốc ***thiết lập một quỹ khởi nghiệp*** giá trị khoảng 2,7 tỷ USD giúp thanh niên lập ra khoảng 50.000 doanh nghiệp khởi nghiệp. Đáng chú ý, Hàn Quốc nhận giúp đỡ các doanh nhân quốc tế trên khắp thế giới phát triển ý tưởng làm ăn tại nước này.

***c) Singapore:*** Một trong những nguyên nhân thành công của quốc gia Singapore bắt nguồn từ khởi nghiệp, được khơi dậy mạnh mẽ nhờ những chính sách ủng hộ của Chính phủ về:

- ***Tạo lập môi trường khởi nghiệp:*** Bắt đầu từ cơ sở giáo dục ĐH giảng dạy tinh thần khởi nghiệp, thúc đẩy gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp.

- ***Thúc đẩy chính quyền số:*** Khởi đầu với việc số hóa trên hệ thống máy tính ở thập kỷ 1990. Đến năm 2000, 90% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến; Cả xã hội chung tay xây dựng Chính quyền số. Điển hình như ứng dụng "*Cuộc sống Singapore*" (LifeSG). Dịch vụ số này tích hợp hơn 40 dịch vụ tiện ích như: Đăng ký giấy khai sinh, trợ cấp trẻ em, tìm trường học tối ưu, thông tin về các chương trình, ưu tiên dành cho người cao tuổi, về việc làm, các khóa học phát triển kỹ năng, cập nhật các chương trình phúc lợi mới nhất của Chính phủ...

- ***Thúc đẩy kinh tế số:***

+ Lập bản đồ dẫn dắt khởi nghiệp, gồm 23 bản đồ số cho 23 ngành chính, chiếm 80% GDP quốc gia. Các bản đồ này gồm kế hoạch tăng trưởng và gia tăng năng lực cạnh tranh với sự hỗ trợ của 4 trụ cột: i) Năng suất lao động; ii) Việc làm và kỹ năng; iii) ĐMST; iv) Thương mại và quốc tế hóa. Bản đồ vạch ra chiến lược và ưu tiên chính, giải đáp vấn đề như: Làm thế nào để tăng năng suất lao động? Đây là kỹ năng thiết yếu trong tương lai? Làm thế nào để gia tăng xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ?

+ Lập Chỉ số sẵn sàng công nghiệp thông minh (Smart Industry Readiness Index), là công cụ để các doanh nghiệp tự đánh giá về hoạt động sản xuất và mức độ sẵn sàng của mình...

- ***Hỗ trợ xã hội số:*** Hỗ trợ về tài chính, tư vấn, ứng dụng công nghệ, đào tạo nhân lực để nâng cao năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; bố trí các chuyên gia giàu kinh nghiệm tư vấn miễn phí từ A đến Z cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện chuyển đổi số.

Singapore ***chuyển đổi dứt khoát theo từng bước với kết quả rõ ràng***; không chỉ hoạch định chính sách kỹ lưỡng mà còn coi "*Thực thi là tối quan trọng*", đảm bảo đầy đủ các định chế hỗ trợ việc thực thi chính sách hiệu quả.

***d) Trung Quốc:*** Suốt nhiều thập kỷ, người ta cho rằng Trung Quốc là quốc gia bất chước, không có khả năng sáng tạo, chưa nói tới đến sự đổi mới mang tính đột phá. Song hiện tại, Trung Quốc là một trong những quốc gia thành công trong lĩnh vực

công nghệ. Nguyên nhân cơ bản chính là sự can thiệp của nhà nước trong việc khuyến khích sự phát triển của một trong những hệ sinh thái đổi mới năng động nhất thế giới với quan điểm: ***ĐMST được xem như một quá trình kinh tế - xã hội***, có thể được hướng dẫn và thúc đẩy với sự kết hợp phù hợp nguồn lực vật chất và chính sách của chính quyền. Quá trình này bao gồm 3 giai đoạn quan trọng:

- ***Bảo hộ thị trường***: Diễn ra năm 2000 – 2010, tạo ra một thị trường bán bảo hộ rộng lớn. Việc nuôi dưỡng một hệ sinh thái đổi mới non trẻ vừa phải đủ sinh lợi để thúc đẩy sự cạnh tranh quyết liệt, nhưng cũng đòi hỏi phải được bảo vệ ở một mức nào đó để những công ty khởi nghiệp lâu đời của nước ngoài không nhảy vào và làm thiêu rụi những công ty khởi nghiệp địa phương, trước khi họ có thể vững vàng tiến lên.

- ***Kết nối quốc tế và nuôi dưỡng trí tuệ***: Duy trì mối quan hệ khoa học và thương mại với các công ty, trường ĐH và phòng thí nghiệm hàng đầu phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Việc tiếp xúc quy trình đẳng cấp thế giới đã mang lại cho Trung Quốc nguồn nuôi dưỡng trí tuệ - những ý tưởng, phương pháp và mô hình hoạt động mà họ cần để khởi dậy hệ sinh thái công nghệ non trẻ của mình. Bắt đầu từ khoảng năm 2008, kỹ sư Trung Quốc từng làm việc tại Google đã bắt đầu trở về nước để thành lập công ty khởi nghiệp, mang theo một số nét văn hóa của Thung lũng Silicon. Hầu hết mối tương tác này là từ dưới lên, bởi các nhà công nghệ Trung Quốc và nước ngoài. Song, chính phủ cũng đóng một vai trò quan trọng, thông qua việc thúc đẩy sự hợp tác và mời gọi các hãng công nghệ Mỹ (và châu Âu) tiếp cận thị trường, khuyến khích mở TT nghiên cứu ở Trung Quốc.

- ***Giải phóng nguồn lực***: Khi đã có đủ điều kiện thị trường và kết nối quốc tế, Trung Quốc thực hiện bước thứ ba, giải phóng nguồn lực ĐMST gồm: Vốn đầu tư; Cơ sở hạ tầng; Các chuyên gia được đào tạo; và Sức mạnh hành chính.

Ví dụ, sáng kiến A năm 2017 của Chính phủ Trung Quốc đặt một mục tiêu đầy tham vọng là đưa nước này trở thành TT Trí tuệ nhân tạo (AI, Artificial intelligence) ưu tú của thế giới vào năm 2030.

Tác động lớn nhất của chương trình này là làn sóng thử nghiệm và hoạt động trong cả bộ máy hành chính lẫn lĩnh vực tư nhân. Quan chức thành phố đã thiết lập những chương trình khởi động AI ở thành phố của họ. Quan chức nông nghiệp đã tạo ra những chương trình thử nghiệm máy bay không người lái bón phân thông minh. Bệnh viện hợp tác với trường ĐH để tạo ra những viện nghiên cứu AI y tế... Năm 2018, Trung Quốc chiếm gần một nửa tổng nguồn vốn toàn cầu rót cho các công ty khởi nghiệp AI, vượt qua Mỹ. Quỹ này cho phép công ty và nhà khoa học Trung Quốc thử nghiệm những sản phẩm, tính năng và phương pháp tiếp cận mới, đồng thời tăng cường áp dụng AI trên toàn nền kinh tế.

Như vậy, bằng cách xây dựng và bảo vệ thị trường trong khi học hỏi từ các hệ sinh thái đổi mới toàn cầu, Trung Quốc đã tăng tốc phát triển các công nghệ quan trọng của riêng họ.

#### **đ) Khởi nghiệp ĐMST tại các cụm CN - Mô hình thung lũng Silicon:**

Vào những năm cuối thế kỷ 20, xuất hiện mô hình Cụm Kinh tế (Economic Cluster) hay Cụm Công nghiệp (Industry Cluster). Đây là mô hình phát triển kinh tế dựa trên sự tập trung về mặt địa lý giữa các định chế có liên quan đến nhau: i) Các doanh nghiệp sản xuất; ii) Các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm (doanh nghiệp khởi nghiệp), doanh nghiệp cung ứng, cơ quan chính phủ; iii) TT nghiên cứu và trường

ĐH... trong một lĩnh vực cụ thể, ví dụ như công nghệ thông tin; iv) Hệ thống các công trình dịch vụ hạ tầng kinh tế và xã hội có liên quan...

Mô hình Cụm kinh tế đầu tiên là Thung lũng Silicon Mỹ, được hình thành năm 1971. Đây là nơi tập trung hay liên kết các mô hình KCN, Công viên công nghệ và Công viên thương mại trong lĩnh vực công nghệ cao; gắn liền với các trường ĐH và các khu dân cư; nơi hình thành và phát triển lĩnh vực kinh tế mới – kinh tế số. Mô hình này dần được phổ biến trên toàn thế giới với gần 100 địa điểm. Riêng Châu Á có 9 Cụm kinh tế mang tên Silicon Valley.

### **1.2.3 Đô thị và không gian cho giới trí thức trẻ thế giới**

Ngay tại các quốc gia phát triển hàng đầu thế giới, xu hướng khởi nghiệp ĐMST luôn được quan tâm, không phải mô hình quốc gia khởi nghiệp song là mô hình địa phương khởi nghiệp ĐMST.

Theo trang theguardian.com, các thành phố tốt nhất cho giới trẻ trong thế hệ millennials (những người sinh từ 1981-1996) đều có các đặc điểm chính: Giá cả phải chăng, phương tiện đi lại thuận tiện, văn hoá thịnh vượng.

Nguồn tham khảo:

<https://www.theguardian.com/world/2016/mar/08/the-worlds-best-cities-for-millennials>

#### **a) Các đô thị dành cho giới trí thức trẻ tại Mỹ:**

Theo bảng xếp hạng năm 2017, trang web bất động sản Apartment List đã quyết định xem xét những thành phố nào của Hoa Kỳ hấp dẫn giới trẻ nhất dựa trên cơ hội việc làm, khả năng chi trả và khả năng sống. Sau cuộc khảo sát với 24.000 người thuê nhà, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các yếu tố như thời tiết, an toàn và khả năng tiếp cận các hoạt động và cuộc sống về đêm. Họ rút ra kết luận một số đặc điểm quan trọng của một thành phố thu hút giới trẻ sinh sống gồm:

- Chi phí sinh hoạt thấp, khả năng chi trả giá thuê nhà phù hợp với mức thu nhập trung bình của người lao động trẻ;
- Thời gian di chuyển hợp lý. Khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc ngắn nhất. Có hệ thống công trình giao thông công cộng tiện lợi;
- Các công trình công cộng, dịch vụ hỗ trợ cuộc sống về đêm sôi động.

Nguồn tham khảo:

<https://www.cnbc.com/2018/06/01/the-top-10-cities-in-the-us-for-young-people.html>

<https://www.cnbc.com/2017/05/22/the-25-best-cities-in-the-u-s-for-millennials.html>

#### **b) Các đô thị dành cho giới trí thức trẻ tại Anh:**

Theo phân tích của Trung tâm các thành phố, số lượng người từ 22 đến 29 tuổi sống ở các trung tâm thành phố lớn ở Anh và xứ Wales đã tăng gần gấp ba lần khi những người trẻ tuổi, độc thân, có trình độ học vấn cao đổ về các khu vực đô thị.

Các thành phố thu hút giới trẻ nhất nước Anh như London, Manchester, Liverpool, Bristol,... đều có đặc điểm chính sau:



- Thành phố cung cấp nhiều cơ hội việc làm có trình độ kỹ năng cao;
- Môi trường sống không bị kìm hãm khả năng ĐMST; Giới trẻ có các không gian được tự do sáng tạo, phát triển. Ngành công nghiệp sáng tạo và nhiều công ty về khởi nghiệp, nghệ thuật, văn hoá, truyền thông, giải trí và kỹ thuật số phát triển mạnh.
- Giá thuê nhà và chi phí sinh hoạt ở mức trung bình, hợp lý.

Nguồn tham khảo:

<https://www.theguardian.com/cities/datablog/2015/jul/22/young-people-urban-renaissance-city-centres-millennials-report>

<https://www.refinery29.com/en-gb/best-cities-for-young-people>

<https://www.creativeboom.com/features/10-of-the-uks-most-creative-towns-and-cities-to-live-work-and-play/>

### **c) Các đô thị dành cho giới trí thức trẻ tại Nhật Bản**

Vào đầu tháng 8, Quỹ Nippon đã thực hiện một cuộc khảo sát với 1.000 thanh niên ở Nhật Bản, hỏi họ hy vọng sẽ sống ở đâu trong tương lai. Kết quả là 56,5% thanh niên ưa thích sống ở các thành phố lớn. Lý do chính là thành phố có các đặc điểm sau:

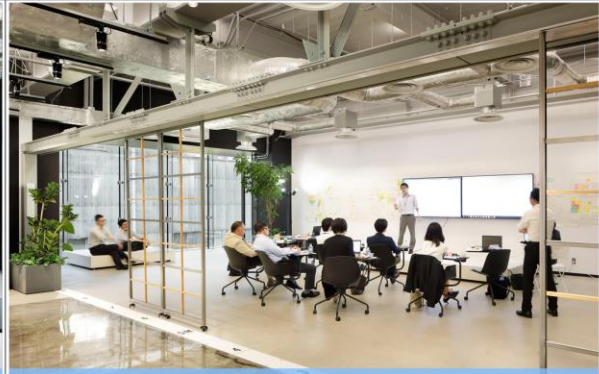
- Lối sống thoải mái;
- Nhiều lựa chọn về giải trí;
- Nhiều cơ hội việc làm đa dạng;
- Nhịp sống sôi động;
- Các cơ sở về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

Nguồn tham khảo: <https://www.nippon.com/en/japan-data/h00830/>

#### KHÔNG GIAN LÀM VIỆC GIÁ RẺ COWORKING



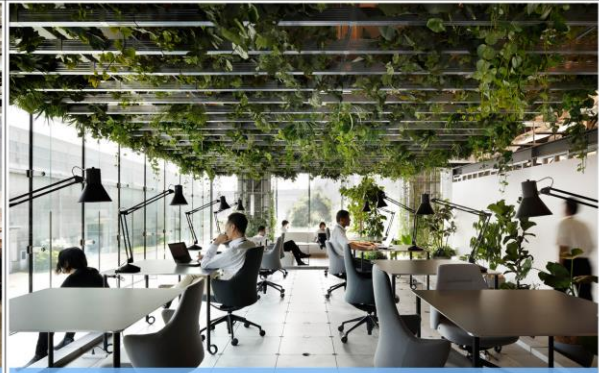
KHÔNG GIAN TIẾP ĐÓN, GẶP GỠ



KHÔNG GIAN HỘI HỢP TẬP TRUNG



KHÔNG GIAN MỞ: LÀM VIỆC THEO NHÓM



KHÔNG GIAN LÀM VIỆC CÁ NHÂN

*Mô hình không gian làm việc giá rẻ - Coworking là không gian phổ biến trong các Khu đô thị dành cho trí thức trẻ trên thế giới*

### 1.2.4 Đô thị thông minh

#### a) Khái niệm:

Khái niệm Đô thị thông minh khởi nguồn từ cuộc CMCN lần thứ 3 (CMCN 3.0) vào cuối thế kỷ 20, gắn với việc chuyển Xã hội công nghiệp vào Xã hội thông tin và dịch vụ mà cơ sở của nó là sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin.

Khái niệm về Đô thị thông minh (Smart City) nhấn mạnh đến việc sử dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 liên quan đến công nghệ thông tin và hệ thống liên kết internet - IoT (Internet of Things).

Toàn bộ hoạt động của đô thị được chuyển thành dữ liệu số, thu thập theo thời gian thực (Real – Time Data), lưu trữ và phân phối bởi hệ thống cảm biến và thiết bị IoT. Việc kết nối các thiết bị này và sử dụng dữ liệu sau phân tích tạo điều kiện cho hình thành Đô thị kỹ thuật số (Digital City) bên cạnh Đô thị vật lý. Từ hệ thống cơ sở dữ liệu, chính quyền, doanh nghiệp, công dân có thể khai thác để tạo ra giải pháp:

- Tối ưu hóa các chức năng của thành phố (liên quan đến quản trị, cơ sở hạ tầng);
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững (liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, môi trường);
- Cải thiện chất lượng cuộc sống cho công dân (liên quan đến cơ hội nhà ở, việc làm, đi lại, an toàn, sức khỏe, học vấn, công hiến, bất kể trình độ học vấn, kỹ năng hay

mức thu nhập của họ);

- Xây dựng cộng đồng gắn bó hơn (liên quan đến trao đổi kiến thức, kỹ năng và tăng cường sự đổi mới). Từ đây đô thị trở nên đáng sống hơn, có năng lực cạnh tranh hơn và có thể phản ứng nhanh hơn với những thách thức mới.

### **b) Nguyên tắc của lý thuyết Đô thị thông minh**

Vấn đề Đô thị thông minh đã trở nên phổ quát. Nhận thức về nó đã nâng tầm lên ở mức chủ thuyết. Thuyết Đô thị thông minh coi quy hoạch đô thị, không chỉ là một quy hoạch mang tính vật lý, mà còn là một quy hoạch kinh tế và quy hoạch xã hội. Trong hệ thống lý thuyết này, công nghệ thông tin, truyền thông chỉ là một loại phương tiện như rất nhiều loại công nghệ thích ứng khác được xã hội lựa chọn để sử dụng. 10 nguyên tắc của Chủ thuyết Đô thị thông minh gồm:

*i) Cân bằng với tự nhiên* (Balance with Nature): Phát triển bền vững: Phân bổ chức năng sử dụng đất hợp lý, hình thành không gian mở (cây xanh, mặt nước) và giải pháp tái tạo tài nguyên.

*ii) Cân bằng với truyền thống* (Balance with Tradition): Không gian đô thị và kiến trúc được thực hiện gắn với việc khai thác tối đa văn hóa bản địa; Di tích lịch sử, di sản trở thành điểm nhấn thị giác.

*iii) Công nghệ phù hợp* (Appropriate Technology): Công nghệ, màu sắc và vật liệu xây dựng mới được tiếp nhận.

*iv) Tương tác xã hội* (Conviviality): Hình thành khu vực công cộng phù hợp với mức tương tác cá nhân, gia đình, cộng đồng như quảng trường, sân thể thao, địa điểm trình diễn, câu lạc bộ, không gian ẩm thực, đường dạo.

*v) Hiệu quả* (Efficiency): Tối ưu về mật độ xây dựng, chiều cao; Hình thành các ô đất phát triển hỗn hợp giữa ở, làm việc và thương mại dịch vụ, theo hướng kinh tế đô thị hiện đại.

*vi) Quy mô của con người* (Human Scale): Phù hợp với quy mô và tính cách con người: Gắn với việc tìm hiểu những quy luật phát triển hình thái, thể lực và tính cách con người thời hội nhập, công dân toàn cầu, công dân kỹ thuật số.

*vii) Ma trận cơ hội* (Opportunity Matrix): Đa dạng cơ hội: Về nhà ở, chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động trẻ; Thu hút giới trí thức trẻ, người tài.

*viii) Hội nhập khu vực* (Regional Integration): Là một phần hữu cơ của đô thị cấp cao hơn, tạo thành một thực thể thống nhất về kinh tế, xã hội và văn hóa, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và môi trường sinh thái.

*ix) Đồng bộ kết cấu hạ tầng*, trước hết là cân bằng giao thông (Balanced Movement): Cân bằng giao thông công cộng, cá nhân và hoạt động đi bộ.

*x) Chính thể* (Institutional Integrity): Quy hoạch và quản trị đô thị gắn với trách nhiệm, minh bạch, khả năng giải trình có sự tham gia của xã hội thông qua chính quyền số, xã hội số.

### **c) Bộ khung hình thành Đô thị thông minh:**

Để hình thành được một Đô thị thông minh, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề. Các vấn đề này thống nhất theo các nhóm nội dung hay khung nội dung, gồm:

*i) Khung công nghệ* (Technology Framework): Đô thị thông minh phụ thuộc vào việc triển khai công nghệ. Các tổ hợp cơ sở hạ tầng công nghệ tương tác với nhau và tương tác với con người. Khung công nghệ gồm:

- *Kỹ thuật số* (Digital): Là cơ sở hạ tầng dịch vụ để kết nối các cá nhân và thiết bị; kết nối hạ tầng truyền thông băng thông rộng và hạ tầng máy tính theo hướng dịch vụ linh hoạt, mở để đáp ứng các nhu cầu của chính quyền, doanh nghiệp và công dân.

- *Thiết bị thông minh* (Intelligent): Là thiết bị công nghệ nhận thức như trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và máy tự học (Machine learning), có vai trò tiếp nhận dữ liệu từ các thiết bị cảm biến của đô thị, phân tích và ra quyết định trợ giúp con người ứng xử với môi trường xung quanh.

- *Quyền truy cập* (Ubiquitous): Là việc bố trí hệ thống các điểm cung cấp dịch vụ truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu cho cư dân. Từ đây còn hình thành khái niệm Đô thị truy cập (U-city) là một khái niệm mở rộng của khái niệm Đô thị kỹ thuật số, liên quan đến khả năng tiếp cận mọi cơ sở hạ tầng thông tin.

- *Mạng có dây* (Wired): Là các thành phần vật lý của hệ thống công nghệ thông tin. Cơ sở hạ tầng có dây hỗ trợ mạng lưới internets (IoT) và công nghệ không dây tăng cường khả năng kết nối.

- *Tích hợp* (Hybrid): Là sự kết hợp của Đô thị vật lý và Đô thị ảo (Đô thị kỹ thuật số), hay sự kết hợp của không gian tương tác ảo trong một không gian vật lý. Không gian đồng bộ hóa này có thể phục vụ cho việc thực hiện nghiên cứu để triển khai các dự án.

- *Đô thị thông tin* (Information city): Là sự đa dạng của các thiết bị tương tác tạo ra một lượng lớn dữ liệu, phục vụ cho sự tăng trưởng của đô thị. Mức độ lớn và đa dạng của hệ thống dữ liệu dẫn đến hình thành khái niệm Đô thị dữ liệu hay Đô thị thông tin.

*ii) Khung con người* (Human Framework): Đô thị thông minh có tác động tích cực đối với chất lượng cuộc sống của cư dân và du khách. Khung con người của một Đô thị thông minh liên quan đến:

- *Sáng tạo* (Creativity): Là sáng tạo nghệ thuật và văn hóa, lĩnh vực trọng tâm trong quy hoạch Đô thị thông minh. Sáng tạo gắn với việc mở mang trí tuệ và đổi mới.

- *Học tập* (Learning): Hình thành lực lượng lao động có khả năng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn thông qua việc học tập. Năng lực học tập của đô thị bao gồm hệ thống giáo dục, đào tạo, dạy nghề, phát triển và trao đổi văn hóa.

- *Con người* (Humanity): Liên quan đến việc phát triển cơ sở hạ tầng mềm, nâng cao năng lực của các tổ chức tự nguyện, nâng cao vốn xã hội.

- *Tri thức* (Knowledge): Phát triển nền kinh tế tri thức được coi là trọng tâm của các dự án Đô thị thông minh.

(Khung con người nêu trên theo phương diện phổ quát, trong điều kiện Việt Nam còn phải thêm một nội dung - *Ngoại ngữ*).

*iii) Khung thể chế* (Institutional Framework): Là hệ thống luật pháp, quy định, thủ tục hành chính chính thức và các quy ước, tập quán, quy phạm không chính thức, hình thành nên hoạt động và hành vi kinh tế xã hội. Khung thể chế tại Đô thị thông minh thể hiện sự hợp tác giữa chính quyền và cộng đồng dân cư, thúc đẩy việc sử dụng

công nghệ thông tin để khắc phục các vấn đề xảy ra hàng ngày như tắc nghẽn giao thông, quá tải trường học, ô nhiễm không khí, thúc đẩy tăng trưởng bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

*iv) Khung năng lượng (Energy Framework):* Đô thị thông minh được vận hành bởi nhiều hoạt động như: Điều hành giao thông; Chiếu sáng đường phố; Hoạt động của tòa nhà; Phân tích dữ liệu... Trong quá trình vận hành, năng lượng là tối quan trọng. Đây cũng là lý do các công ty điện lực có vai trò quan trọng tại các Đô thị thông minh.

*v) Khung quản lý dữ liệu (Data Management framework):* Là hệ thống thu thập, xử lý và lan truyền dữ liệu kết hợp với công nghệ mạng và biện pháp bảo mật dữ liệu.

#### **d) Các thể hệ Đô thị thông minh**

Sau khoảng 50 năm phát triển, hiện thế giới đã có rất nhiều Đô thị thông minh và dự án Đô thị thông minh. Đến nay có thể tổng hợp được 3 thể hệ Đô thị thông minh.

- Thế hệ thứ nhất, Đô thị thông minh 1.0: Là đô thị được dẫn dắt bởi các nhà cung cấp công nghệ. Thế hệ này tập trung vào việc triển khai công nghệ tại các đô thị, mặc dù đô thị không có khả năng hiểu được đầy đủ ý nghĩa có thể có của công nghệ hoặc những tác động của nó đối với cuộc sống hàng ngày.

- Thế hệ thứ hai, Đô thị thông minh 2.0: Là đô thị được dẫn dắt bởi chính quyền thành phố. Ở thế hệ này, các nhà lãnh đạo có tư duy tiến bộ đã hình dung một tương lai dài hạn cho thành phố. Từ đây, họ tìm các phương thức đổi mới và công nghệ thông minh phù hợp để dẫn dắt xã hội tạo ra tương lai này.

- Thế hệ thứ ba, Đô thị thông minh 3.0: Trong thế hệ này, cả các nhà cung ứng công nghệ, lẫn các nhà lãnh đạo đều không nắm quyền kiểm soát, thay vào đó là mô hình đồng sáng tạo của cộng đồng cư dân trong đô thị. Đây là xu hướng gắn với vấn đề tạo ra một cộng đồng xã hội công bằng và thông minh, kết nối với nhau và với bên ngoài.

Thành phố Vienna, Áo là một trong những thành phố đầu tiên áp dụng mô hình Đô thị thông minh 3.0. Tại đây cho phép các công dân trở thành nhà đầu tư vào các nhà máy năng lượng mặt trời tại địa phương, cũng như các vấn đề về nhà ở giá rẻ. Thành phố Vancouver, Canada cũng đã áp dụng mô hình Thành phố thông minh 3.0 thông qua việc thu hút hơn 30 ngàn công dân của mình trong việc đồng sáng tạo Kế hoạch hành động vì Thành phố Vancouver xanh nhất 2020 (Vancouver Greenest City 2020) với mục tiêu sử dụng xe đạp, xe lửa cũng như thiết lập các tiêu chuẩn mới cho việc tiết kiệm năng lượng.

#### **1.2.5 Các bài học kinh nghiệm rút ra**

Trên thế giới có nhiều thành phố được hình thành nhằm thu hút giới trẻ. Những thành phố này thường có những đặc điểm sau:

- Giá cả thuê nhà và chi phí sinh hoạt thấp, phù hợp với khả năng chi trả của tầng lớp trí thức trẻ (NOXH)

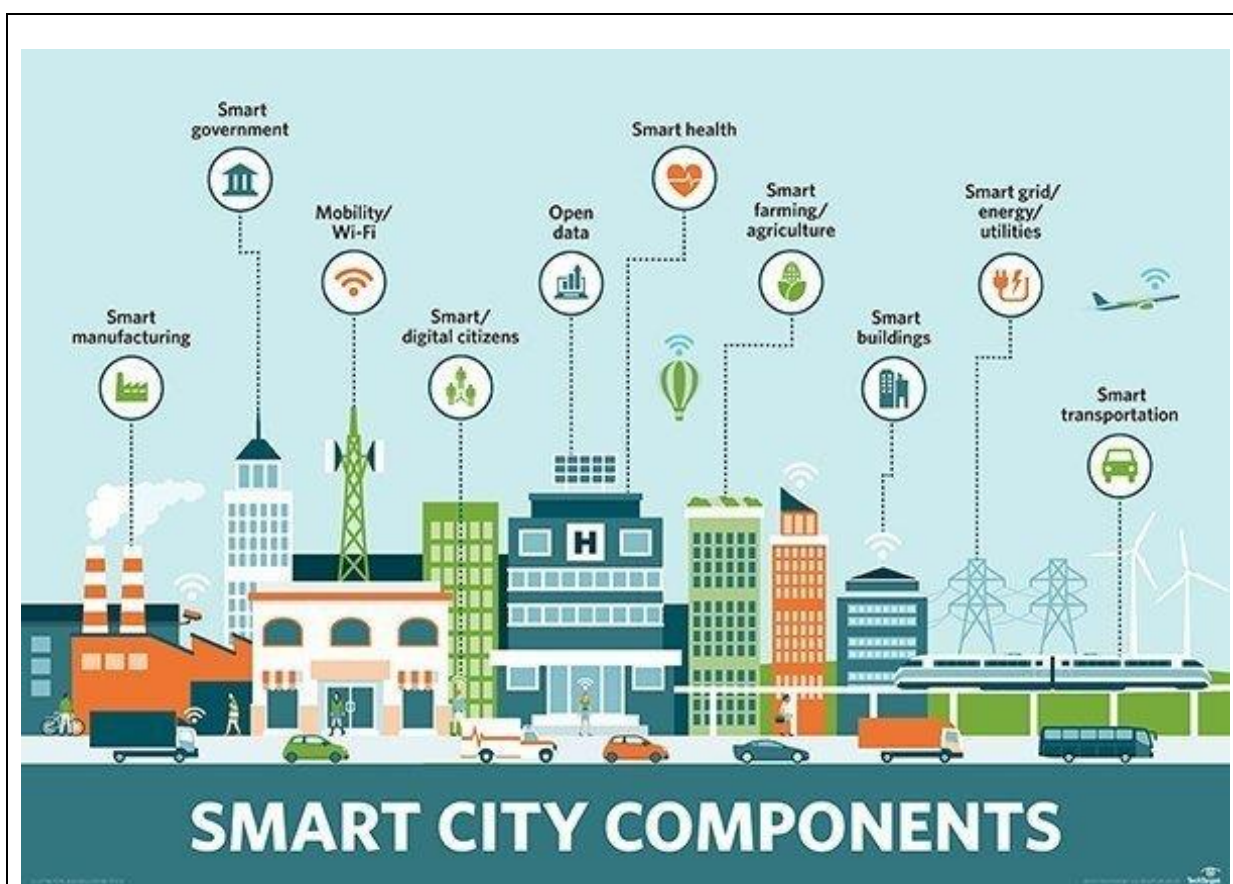
- Là thành phố có nhiều cơ hội việc làm với trình độ kỹ thuật cao, thu nhập tốt;

- Có các cơ sở giáo dục, y tế phát triển chất lượng cao;

- Thời gian di chuyển hợp lý, Khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc ngắn nhất. Có hệ thống công trình giao thông công cộng tiện lợi;

- Môi trường sống không bị kìm hãm khả năng ĐMST; Giới trẻ có các không gian được tự do sáng tạo, phát triển. Ngành công nghiệp sáng tạo và nhiều công ty về khởi nghiệp, nghệ thuật, văn hoá, truyền thông, giải trí và kỹ thuật số phát triển mạnh.
- Lối sống thoải mái với các dịch vụ giải trí đa dạng.
- Là thành phố phát triển theo hướng Đô thị thông minh, thế hệ thứ hai và thứ ba.





*Mô hình Đô thị thông minh với các đặc điểm hình thành*



*Đô thị Thông minh thế hệ 3.0 do cộng đồng sáng tạo tại Vancouver, Canada*

### 1.3 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CHO MÔ HÌNH

#### 1.3.1 Kết luận:

- Mô hình Khu đô thị cho trí thức trẻ tại Việt Nam còn mới và chưa phổ biến.
- Khu đô thị tại các đô thị lớn tại Việt Nam không chỉ hướng tới Khu đô thị xanh, Đô thị sinh thái, Đô thị thông minh mà còn hướng tới Khu đô thị khởi nghiệp ĐMST.
- Việt Nam đã có một số TT ĐMST quy mô tầm quốc gia và thành phố, chủ yếu



tại các thành phố lớn; Đối tượng chính là các doanh nghiệp; Các TT Hỗ trợ khởi nghiệp và CLB Khởi nghiệp ĐMST quy mô nhỏ, chủ yếu trong các cơ sở đào tạo; Đối tượng chính là sinh viên.

- Hiện nay, Mô hình đô thị cho Giới trí thức trẻ tại Việt Nam còn mới và chưa phổ biến. Một số khu đô thị mới đã có một số không gian dành cho trí thức trẻ thông qua các trung tâm: TT Nghiên cứu chuyên giao công nghệ; TT ĐMST và khởi nghiệp...song mới chỉ dạng đơn lẻ.

### **1.3.2 Đề xuất cho Mô hình:**

- Giới trí thức trẻ, đặc biệt là các cử nhân mới tốt nghiệp ĐH (khoảng 235.000 đến 267.000 SV tốt nghiệp ĐH mỗi năm) là những đối tượng rất cần được quan tâm, hỗ trợ, trước hết là nhà ở. Họ là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển KHCN và là nguồn lực quan trọng nhất để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của quốc gia và hình thành hệ giá trị mới, chuẩn mực xã hội mới về ĐMST và khởi nghiệp. Tuy nhiên đối tượng này cũng như vấn đề này vẫn chưa được đầu tư đúng mức.

- Hiện nay Việt Nam chưa có mô hình đô thị dành cho Giới trí thức trẻ. Các mô hình đô thị hiện nay chủ yếu tập trung vào đối tượng tầng lớp người giàu; người dân có thu nhập trung bình khá trở lên; NOXH cho cán bộ; NOXH cho công nhân.

- Đây là mô hình mới, việc thực hiện theo dạng xây dựng mô hình thử nghiệm, điều chỉnh, bổ sung và sau đó lan truyền tại các khu dân cư trong các khu đô thị tại các thành phố lớn.

- Bên cạnh Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tại các cơ sở đào tạo, nơi làm việc, cần thiết phải xây dựng được các Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST cả trong các khu dân cư, tạo thành các Khu đô thị Khởi nghiệp ĐMST nhằm thu hút thế hệ trẻ. Từ đây xuất hiện nhiều không gian với chức năng và tính chất mới: Khu làm việc với môi trường làm việc chuyên nghiệp; Khu thảo luận thúc đẩy cơ hội gặp gỡ tương tác; Thư viện là trung tâm văn hóa kiến thức; Khu sự kiện góp phần đào tạo và quảng bá; Không gian trưng bày sản phẩm; Văn phòng khởi nghiệp (Coworking) với chi phí thuê giá rẻ; Không gian kết nối thúc đẩy hình thành và định hình văn hóa Khởi nghiệp ĐMST; Tạo điều kiện cho hình thành Khu Đô thị kỹ thuật số (Digital City) bên cạnh Khu Đô thị vật lý, là bước khởi đầu cho việc hình thành Đô thị thông minh tại địa phương. (xem thêm tại Chuyên đề 4 – Hệ sinh thái Khởi nghiệp ĐMST và Chuyên đề 5 – Cấu trúc không gian đô thị trong Mô hình Khu đô thị dành cho trí thức trẻ).

**Đại diện nhóm thực hiện Chuyên đề**

**Th.S. Nguyễn Thùy Trang**